

**NGÂN HÀNG  
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2174 /NHCS-TDNN  
V/v định kỳ hạn trả nợ gốc  
trong hệ thống NHCSXH

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn việc định kỳ hạn trả nợ gốc trong hệ thống NHCSXH như sau:

**1. Định kỳ hạn trả nợ gốc**

NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận định kỳ hạn trả nợ gốc phù hợp với phương án vay vốn, chu kỳ sản xuất kinh doanh của đối tượng đầu tư (nếu có), khả năng trả nợ của khách hàng và quy định của từng chương trình tín dụng.

a) Đối với các chương trình cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm

- Cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn.

- Cho vay có thời hạn trên 12 tháng đến 60 tháng: Định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 24 tháng/kỳ.

- Cho vay có thời hạn trên 60 tháng: Định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 36 tháng/kỳ.

- Riêng chương trình cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, sửa đổi tiết 1 khoản 13 văn bản số 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc như sau:

“NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận với khách hàng vay vốn về kỳ hạn trả nợ gốc, lãi tiền vay nhưng tối đa không quá 12 tháng/kỳ”.

b) Đối với các chương trình cho vay mục đích vay vốn phục vụ nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt, trang trải chi phí thực hiện theo quy định của từng chương trình tín dụng.

c) Trường hợp khách hàng nhận tiền vay nhiều lần

Việc định kỳ hạn trả nợ gốc được xác định kể từ ngày khách hàng nhận tiền vay kỳ giải ngân đầu tiên. Trường hợp khách hàng nhận tiền vay kỳ giải ngân cuối cùng của khoản vay, nếu số tiền vay thấp hơn số tiền đã được phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận điều chỉnh lại số tiền phải trả của các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc thời hạn cho vay và ghi vào

phụ lục hợp đồng tín dụng hoặc sổ vay vốn, phần định lại kỳ hạn trả nợ và/hoặc số tiền trả nợ gốc.

*(Gửi kèm Phụ lục Phân loại các chương trình tín dụng chính sách tại NHCSXH)*

## **2. Tổ chức thực hiện**


a) Để việc xác định kỳ hạn trả nợ gốc phù hợp, căn cứ mục đích sử dụng vốn vay, đối tượng đầu tư và chi phí thực hiện phương án vay vốn, hướng dẫn khách hàng ghi chép đầy đủ, rõ ràng các khoản mục đối tượng, phản ánh số lượng thực tế để xác định giá trị thành tiền trên phương án đảm bảo đúng với mục đích sử dụng vốn, thuộc các đối tượng được phép cho vay theo quy định của pháp luật và phù hợp, logic trên Giấy đề nghị vay vốn.

*(Gửi kèm Phụ lục tham khảo cách ghi nhận đối tượng đầu tư/chi phí thực hiện phương án vay vốn).*

b) NHCSXH các cấp phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn tổ viên về tính toán phương án vay vốn và thể hiện trên Giấy đề nghị vay vốn đảm bảo đúng quy định; đồng thời, phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cho vay đúng đối tượng, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả, trả nợ, trả lãi theo cam kết.

c) Các nội dung khác không quy định tại văn bản này, thực hiện theo quy định tại các văn bản hiện hành.

d) Đối với các khoản vay đã ký kết trước ngày văn bản này có hiệu lực thi hành, NHCSXH nơi cho vay và khách hàng tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận đã ký.

Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo Tổng Giám đốc NHCSXH (qua Ban Tín dụng Người nghèo) đề xem xét, giải quyết. 

### **Nơi nhận:**

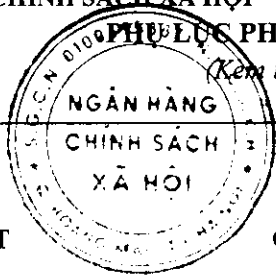
- Như trên;
- Tổng Giám đốc; Trưởng BKS (để b/c);
- Các Phó TGD, Kế toán trưởng;
- Các Ban CMNV tại HSC;
- Sở Giao dịch, TTĐT, TTCNTT;
- Lưu: VT, TDNN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Vương Văn Minh**

NGÂN HÀNG  
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI



**PHỤ LỤC PHÂN LOẠI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH TẠI NHCSXH**

(Kèm theo văn bản số 2174 /NHCS-TDNN ngày 19/3/2025 của Tổng Giám đốc)

STT	Chương trình tín dụng	Thời hạn tối đa định kỳ hạn trả nợ gốc		
		Thời hạn cho vay từ 12 tháng trở xuống	Thời hạn cho vay trên 12 tháng đến 60 tháng	Thời hạn cho vay trên 60 tháng
<b>I</b>	<b>Nhóm các chương trình cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm</b>			
1	Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	36 tháng/kỳ
2	Cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	36 tháng/kỳ
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	
4	Cho vay Giải quyết việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	36 tháng/kỳ
5	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ; Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 và Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Tối đa 12 tháng/kỳ		
6	Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/03/2007 và Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05/06/2023 của Thủ tướng Chính phủ	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	36 tháng/kỳ
7	Cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 và Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05/06/2023 của Thủ tướng Chính phủ	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	
8	Cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN Nghị định số 28/2022/NĐ-CP (Mục đích vay vốn: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý)	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	36 tháng/kỳ
9	Cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa (Dự án KFW)	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	
10	Cho vay trồng rừng (Dự án FSDP)	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	36 tháng/kỳ
11	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù theo QĐ 22/2023/QĐ-TTg (mục đích sản xuất kinh doanh, tạo việc làm)	Trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn	24 tháng/kỳ	36 tháng/kỳ
<b>II</b>	<b>Nhóm các các chương trình cho vay mục đích vay vốn phục vụ nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt, trang trải chi phí</b>			
1	Cho vay học sinh sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ	Thực hiện theo văn bản hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH		

2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ, QĐ 10/2024/QĐ-TTg	Thực hiện theo văn bản hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH
3	Cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN Nghị định số 28/2022/NĐ-CP (Mục đích vay vốn: Hỗ trợ đất ở, nhà ở)	Thực hiện theo văn bản hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH
4	Cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ, NĐ 100/2024/NĐ-CP.	Thực hiện theo văn bản hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH
5	Cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS theo 16/2023/QĐ-TTg ngày 01/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ	Thực hiện theo văn bản hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH
6	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù theo QĐ 22/2023/QĐ-TTg (mục đích đào tạo nghề)	Thực hiện theo văn bản hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH



## PHỤ LỤC

### THAM KHẢO CÁCH GHI NHẬN ĐỐI TƯỢNG ĐẦU TƯ/CHI PHÍ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

(Bản hành kèm theo văn bản số. 2174../NHCS-TDNN ngày 19/3/2025  
của Tổng Giám đốc NHCSXH)

#### 1. Chương trình cho vay mục đích sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế (Chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo,...)

Để thực hiện phương án: chăn nuôi bò sinh sản/trồng cây ăn quả/Trồng cây lâu năm/dịch vụ nông nghiệp/kinh doanh tạp hóa... (phù hợp với chu kỳ, thời gian sinh trưởng, phát triển thu hoạch của cây trồng, vật nuôi, loại hình, quy mô kinh doanh nhỏ lẻ..., đảm bảo phù hợp tương ứng với thời gian xin vay ngắn-trung-dài hạn)

Vốn vay NHCSXH: 100.000.000 đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Mua bò sinh sản	05 con	75.000.000 đồng
Xây dựng/sửa chữa chuồng trại	40 m <sup>2</sup>	25.000.000 đồng

hoặc

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Cây giống (xoài, cam, bưởi, keo...)	1.500 cây	60.000.000 đồng
Chi phí đào hố trồng cây phân bón	1.500 gốc 200 kg	35.000.000 đồng 5.000.000 đồng

hoặc

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Máy cày bừa	1 chiếc	60.000.000 đồng
Máy gặt	1 chiếc	40.000.000 đồng

hoặc

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Cải tạo, sửa chữa cửa hàng	20 m <sup>2</sup>	40.000.000 đồng
Kệ inox, tủ đựng hàng, tủ đông, tủ lạnh,...	5 chiếc/cái/...	20.000.000 đồng
Hàng hóa (bánh kẹo, nước giải khát,...)	..... kg/chai/gói....	40.000.000 đồng

### \* Vay bổ sung

Để thực hiện phương án: mở rộng phương án ..... vay ngày ....../.../.....  
và/hoặc thực hiện phương án ..... (đối với trường hợp có phương án mới)

Vốn vay NHCSXH: 50.000.000 đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Mua trâu sinh sản	03 con	40.000.000 đồng
Xây dựng/sửa chữa chuồng trại	10 m <sup>2</sup>	10.000.000 đồng

### 2. Chương trình cho vay học sinh có hoàn cảnh khó khăn

Để thực hiện phương án: Chi phí học tập, sinh hoạt cho sinh viên

Vốn vay NHCSXH: 160.000.000 đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Chi phí học tập, sinh hoạt sinh viên Nguyễn Thị A	40 tháng	160.000.000 đồng

### 3. Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Để thực hiện phương án: Xây mới/nâng cấp/cải tạo/sửa chữa công trình nước sạch và công trình vệ sinh môi trường hộ gia đình (*phù hợp với thực tế*)

Vốn vay NHCSXH: 50.000.000 đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Xây mới công trình nước sạch	01 công trình	25.000.000 đồng
Xây mới công trình vệ sinh	01 công trình	25.000.000 đồng

### 4. Chương trình cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề/phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP

#### a) Ví dụ 1: Đất ở

Để thực hiện phương án: tạo đất ở

Vốn vay NHCSXH: 50.000.000 đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở	50 m <sup>2</sup>	50.000.000 đồng

hoặc

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Chi phí san gạt, tạo mặt bằng để có đất ở	20 m <sup>2</sup>	50.000.000 đồng

**b) Ví dụ 2: Nhà ở**

Để thực hiện phương án: xây mới nhà ở/ sửa chữa, cải tạo nhà ở

Vốn vay NHCSXH: 40.000.000 đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Xây mới nhà ở	60 m <sup>2</sup>	40.000.000 đồng

hoặc

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Cải tạo nhà ở	80 m <sup>2</sup>	40.000.000 đồng

**(iii) Ví dụ 3: Đất sản xuất**

Để thực hiện phương án: tạo đất sản xuất

Vốn vay NHCSXH: 77.500.000 đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất	1.100 m <sup>2</sup>	77.500.000 đồng

hoặc

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Chi phí khai hoang/cải tạo đất sản xuất	2.000 m <sup>2</sup>	77.500.000 đồng

**c) Ví dụ 4: chuyển đổi nghề/phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị**

Để thực hiện phương án: chăn nuôi bò sinh sản/trồng cây ăn quả/dịch vụ nông nghiệp/ phát triển nghề mộc ... *(phù hợp với thực tế)*

Vốn vay NHCSXH: 60.000.000 đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Mua bò sinh sản	04 con	50.000.000 đồng
Xây dựng/sửa chữa chuồng trại	40 m <sup>2</sup>	10.000.000 đồng

hoặc

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
Cây giống (xoài, cam, bưởi,...)	1.000 cây	40.000.000 đồng
Chi phí đào hố trồng cây phân bón	1.000 hố 150 kg	17.000.000 đồng 3.000.000 đồng

hoặc

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
-----------	----------	------------

Máy cày bừa	1 chiếc	40.000.000 đồng
Máy gặt	1 chiếc	20.000.000 đồng

hoặc

<b>Đối tượng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thành tiền</b>
Chi phí học nghề mộc	6 tháng	24.000.000 đồng
Mua máy cưa	1 chiếc	20.000.000 đồng
Mua bò sinh sản	1 con	16.000.000 đồng